

Số: 101 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu
cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện
Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ
tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025);*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1533/TTr-SKHCN
ngày 10 tháng 9 năm 2021,*

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xem
xét, ban hành: **“Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và
thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước”**, cụ thể:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT), từ khi tái lập tỉnh đến
31/12/2020, đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của tỉnh Bình
Phước còn ở mức trung bình thấp của cả nước (xếp thứ 46/63 tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương) và thấp nhất khu vực Đông Nam bộ, đứng thứ 17/19 tỉnh, thành
phố trực thuộc Trung ương khu vực phía Nam. Điều đó cho thấy hoạt động sản xuất,
kinh doanh trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều sản phẩm, dịch vụ chứa hàm lượng trí tuệ
cao, chưa có thương hiệu đủ mạnh, hoạt động nghiên cứu ứng dụng, nguồn lực đầu tư
cho nghiên cứu ứng dụng vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, cùng với xu thế phát triển
của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư,... ngoài việc tạo lợi thế cho hoạt động
xúc tiến thương mại điện tử, quảng bá thương hiệu thì luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro đánh
mất thương hiệu và tình trạng xâm phạm quyền SHTT có chiều hướng gia tăng.

Thời gian qua, việc hỗ trợ phát triển tài sản SHTT và thương hiệu trên địa bàn
tỉnh được lồng ghép thực hiện cùng các Chương trình, Dự án nên định mức và nguồn
kinh phí hỗ trợ bảo hộ quyền SHTT còn thấp. Trong giai đoạn 2011 – 2015, có
khoảng 175 tổ chức, cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ tư vấn về SHTT; có
300 đơn đăng ký bảo hộ được nộp tại Cục SHTT; có 159 văn bằng được cấp. Trong số

đó, chỉ có trên 50 tổ chức, cá nhân có hồ sơ đăng ký hợp lệ tại Cục SHTT được hỗ trợ kinh phí với tổng kinh phí hỗ trợ trên 630 triệu đồng.

Mặc dù UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 01/12/2020 triển khai thực hiện Chiến lược SHTT đến năm 2030; song hiện vẫn chưa có quy định cụ thể về nội dung và định mức chi từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

Để kịp thời khắc phục những hạn chế nêu trên; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tăng cường bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu thì việc trình HĐND tỉnh ban hành ***“Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước”*** là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, cơ sở pháp lý có liên quan để xác định rõ nội dung chi, mức chi và điều kiện, thủ tục hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh, gia tăng hàm lượng trí tuệ để duy trì và tăng lợi thế cạnh tranh, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt là các kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao, các sản phẩm chủ lực, tiềm năng của tỉnh, sản phẩm đặc thù của địa phương, từ đó đưa SHTT thực sự trở thành công cụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Nội dung Nghị quyết phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ; phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 ban hành Chiến lược SHTT đến năm 2030 và các văn bản khác của các cơ quan Trung ương có liên quan.

- Chính sách được xây dựng phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với nhu cầu thực tiễn, năng lực triển khai của các cơ quan và chủ thể quyền SHTT.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng trình tự quy định. Cụ thể:

- Thực hiện Thông báo số 238/TB-HĐND ngày 16/8/2021 của HĐND tỉnh về kết luận họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 12/8/2021, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2768/UBND-TH ngày 18/8/2021 về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình tại kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khoá X, trong đó giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn chỉnh Hồ sơ trình Nghị quyết.

- Thực hiện chỉ đạo của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; sau khi hoàn thành tham mưu đề nghị xây dựng Nghị quyết; dự thảo Nghị quyết đã được Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, gửi lấy kiến các đơn vị liên quan và gửi lấy ý kiến phản biện của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Dự thảo Nghị quyết đã được Văn phòng UBND tỉnh tham mưu đánh giá tác động thủ tục hành chính, đảm bảo đúng quy định.

- Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý, phản biện của các đơn vị; Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- Ngày 09/9/2021, Sở Tư pháp có Báo cáo số 213/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh xem xét tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 09/9/2021.

- Thực hiện kết luận của UBND tỉnh ngày 09/9/2021, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh hồ sơ, ban hành Tờ trình số 1533/TTr-SKHHCN ngày 10/9/2021 tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành ***“Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước”***.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm:

- Phần căn cứ: 11 căn cứ pháp lý liên quan thẩm quyền, hình thức và nội dung dự thảo Nghị quyết;

- Phần quyết nghị: 10 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ được nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước có hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó ưu tiên xem xét hỗ trợ cho các đối tượng sau:

- Chủ đầu tư, tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có thế mạnh, đặc thù của địa phương đã được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận OCOP (Chương trình mỗi xã một sản phẩm) hoặc giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu từ cấp tỉnh trở lên.

- Các tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng.

- Tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc đầu tư cho công tác chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền đối với giống cây trồng có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, có tên phù hợp, có khả năng mang lại năng suất, chất lượng cao và thuộc

Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Chủ đầu tư, tác giả của sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và sản phẩm, dịch vụ khác đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, có lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

- Chủ đầu tư, tác giả của sáng kiến đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc.

- Tác giả của sản phẩm, giải pháp đoạt giải tại cuộc thi từ cấp tỉnh trở lên.

b) Cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Quy định này không áp dụng đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân chủ động bố trí kinh phí để xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của mình theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí trong việc tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động theo nội dung hỗ trợ được quy định chi tiết tại Nghị quyết này.

2. Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ và mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần.

3. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn, được phân bổ và sử dụng theo tiến độ, cơ cấu nguồn vốn của nhiệm vụ đã được phê duyệt.

4. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ, hoạt động theo Quy định này đảm bảo có hiệu quả, không trùng lặp với chương trình, dự án, nhiệm vụ khác; đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mức chi từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này là các mức tối đa; phần còn lại (nếu có) do tổ chức, cá nhân tham gia đối ứng.

Điều 3. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu thông qua thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước

1. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ dưới hình thức tuyển chọn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền tác giả, giống cây trồng mới. Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, lập và nộp hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ. Định mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 24 triệu đồng/đơn (*Hai mươi bốn triệu đồng/đơn*).

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 12 triệu đồng/đơn (*Mười hai triệu đồng/đơn*).

c) Đối với giống cây trồng mới: 24 triệu đồng/đơn (*Hai mươi bốn triệu đồng/đơn*).

d) Đối với đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 08 triệu đồng/đơn (*Tám triệu đồng/đơn*).

đ) Đối với đơn đăng ký bảo hộ bản quyền tác giả: 04 triệu đồng/đơn (*Bốn triệu đồng/đơn*).

3. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới trước đó đã nộp đơn đăng ký bảo hộ ở trong nước.

a) Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, giao dịch và dịch sang ngôn ngữ bản địa, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc gia đăng ký, lập hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ tại quốc gia đăng ký, báo cáo giải trình các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của cơ quan sở hữu trí tuệ tại quốc gia đăng ký.

b) Mức hỗ trợ: 48 triệu đồng/đơn (*Bốn mươi tám triệu đồng/đơn*).

Điều 4. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

1. Nội dung các nhiệm vụ được hỗ trợ:

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị.

c) Giới thiệu, quảng bá, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

d) Áp dụng vào thực tiễn đối với các sản phẩm, dịch vụ đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.



đ) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; chủ thể quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

e) Nâng cao năng lực tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

g) Chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có các kết quả nghiên cứu ra các sản phẩm, dịch vụ đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

3. Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Miễn phí thực hiện các thủ tục chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các thủ tục tại cơ quan chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 5. Hỗ trợ thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

a) Nhiệm vụ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

b) Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan). Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/đơn vị tham gia (*Mười triệu đồng/đơn vị tham gia*).

Điều 6. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ và phát triển thương hiệu

1. Nội dung các nhiệm vụ được hỗ trợ:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ, xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu sản phẩm và thương hiệu của doanh nghiệp.

c) Biên soạn, phát hành tài liệu về phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

d) Xây dựng và vận hành phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

đ) Thiết kế hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu tương ứng cho các thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm.

e) Tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển các thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm.

g) Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, marketing, các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm.

h) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

2. Định mức chi hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 7. Điều kiện hỗ trợ

1. Đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu: Phải có phiếu đề xuất, nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở; gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành tuyển chọn và hỗ trợ thực hiện theo đúng quy định.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng mới, bản quyền tác giả phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối tượng có nhu cầu đăng ký bảo hộ phải được thể hiện dưới dạng sản phẩm, quy trình cụ thể.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử trên địa bàn tỉnh, có thể áp dụng hoặc phổ biến rộng rãi để mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

c) Không trùng hoặc tương tự với đối tượng của các tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trước đó.

d) Không trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội và không có những tác động tiêu cực đến quốc phòng - an ninh.

đ) Trường hợp đã được cấp văn bằng bảo hộ thì ngày cấp văn bằng phải sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở trong nước:

- a) Có sản phẩm, dịch vụ cụ thể đã hoặc dự kiến mang nhãn hiệu.
- b) Không trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ trước đó.
- c) Hình thức thể hiện của nhãn hiệu không trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh.
- d) Trường hợp đã được cấp văn bằng bảo hộ thì ngày cấp văn bằng phải sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

4. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài:

- a) Nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ ở trong nước.
- b) Nhãn hiệu thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể hoặc đã được chứng nhận OCOP, chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu từ cấp tỉnh trở lên hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ có sản phẩm mang nhãn hiệu được xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

c) Có hợp đồng còn hiệu lực hoặc tài liệu hợp lệ chứng minh sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu được xuất khẩu ở quốc gia có nhu cầu đăng ký bảo hộ.

5. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng mới ở nước ngoài:

- a) Có khả năng đáp ứng yêu cầu được bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và điều ước quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ mà Việt Nam tham gia.
- b) Sản phẩm có khả năng áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.
- c) Có hợp đồng còn hiệu lực hoặc tài liệu chứng minh sản phẩm được xuất khẩu ở quốc gia có nhu cầu đăng ký bảo hộ.

6. Điều kiện hỗ trợ tham gia trưng bày, triển lãm sản phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này:

- a) Đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.
- b) Sản phẩm đã được thương mại hoá, ứng dụng vào thực tiễn.

7. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được hỗ trợ phải có đơn đề nghị kèm theo các tài liệu chứng minh việc đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều này và phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, không vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tiếp nhận và xem xét giải quyết nhu cầu của các tổ chức, cá nhân có liên quan và có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết các thành phần hồ sơ và thủ tục hỗ trợ theo quy định.

8. Ưu tiên hỗ trợ sản phẩm chủ lực, đặc thù và có thế mạnh của tỉnh.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

- 1. Kinh phí Sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hằng năm.
- 2. Kinh phí từ nguồn chi Xúc tiến thương mại hằng năm.

3. Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trường hợp các định mức theo Nghị quyết này cao hơn định mức được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có tính pháp lý cao hơn thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có tính pháp lý cao.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bình Phước khóa ..., kỳ họp ... thông qua ngày.... tháng... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng.... năm 2021.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc đề nghị ban hành “**Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**”.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(*Hồ sơ gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định số 213/BC-STP ngày 09/9/2021 của Sở Tư pháp; Báo cáo tiếp thu, giải trình, ý kiến thẩm định số 1518/BC-SKHCN ngày 09/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ; Công văn số 2194/STC-HCSN ngày 08/8/2021 và Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/2021 của Sở Tài chính góp ý dự thảo Nghị quyết; Công văn số 1213/MTTQ-BTT ngày 07/9/2021 của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh về tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số 1516/BC-SKHCN ngày 09/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp phần phản biện của UBMTTQVN tỉnh; Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị quyết*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TTHĐND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở KH&CN, STC;
- Trung tâm CNTT (Sở TT&TT);
- LĐ VP, các Phòng;
- Lưu: VT_(Nga TT02HĐND9.21).

CHỦ TỊCH


Trần Tuệ Hiền

Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

Dự thảo
(Đã tiếp thu ý kiến thẩm định
của Sở Tư pháp)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu
cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA, KỲ HỌP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 năm 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025);

Thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy ngày 09 tháng 12 năm 2020 về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 – 2025);

Xét Tờ trình số...TTr-UBND ngày... tháng... năm 2021 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND-KTNS ngày ... tháng... năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ được nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước có hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó ưu tiên xem xét hỗ trợ cho các đối tượng sau:

- Chủ đầu tư, tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có thế mạnh, đặc thù của địa phương đã được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đã được cấp giấy chứng nhận OCOP (Chương trình mỗi xã một sản phẩm) hoặc giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu từ cấp tỉnh trở lên.

- Các tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng.

- Tổ chức, cá nhân chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc đầu tư cho công tác chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng hoặc được chuyển giao quyền đối với giống cây trồng có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, có tên phù hợp, có khả năng mang lại năng suất, chất lượng cao và thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Chủ đầu tư, tác giả của sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và sản phẩm, dịch vụ khác đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, có lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

- Chủ đầu tư, tác giả của sáng kiến đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc.

- Tác giả của sản phẩm, giải pháp đoạt giải tại cuộc thi từ cấp tỉnh trở lên.

b) Cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

c) Quy định này không áp dụng đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân chủ động bố trí kinh phí để xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của mình theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí trong việc tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động theo nội dung hỗ trợ được quy định chi tiết tại Nghị quyết này.

2. Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ và mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần.

3. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn, được phân bổ và sử dụng theo tiến độ, cơ cấu nguồn vốn của nhiệm vụ đã được phê duyệt.

4. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ, hoạt động theo Quy định này đảm bảo có hiệu quả, không trùng lặp với chương trình, dự án, nhiệm vụ khác; đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mức chi từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này là các mức tối đa; phần còn lại (nếu có) do tổ chức, cá nhân tham gia đối ứng.

Điều 3. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu thông qua thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước

1. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ dưới hình thức tuyển chọn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền tác giả, giống cây trồng mới. Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, lập và nộp hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ. Định mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 24 triệu đồng/đơn (*Hai mươi bốn triệu đồng/đơn*).

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 12 triệu đồng/đơn (*Mười hai triệu đồng/đơn*).

c) Đối với giống cây trồng mới: 24 triệu đồng/đơn (*Hai mươi bốn triệu đồng/đơn*).

d) Đối với đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn: 08 triệu đồng/đơn (*Tám triệu đồng/đơn*).

đ) Đối với đơn đăng ký bảo hộ bản quyền tác giả: 04 triệu đồng/đơn (*Bốn triệu đồng/đơn*).

3. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới trước đó đã nộp đơn đăng ký bảo hộ ở trong nước.

a) Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, giao dịch và dịch sang ngôn ngữ bản địa, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc gia đăng ký, lập hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ tại quốc gia đăng ký, báo cáo giải trình các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của cơ quan sở hữu trí tuệ tại quốc gia đăng ký.

b) Mức hỗ trợ: 48 triệu đồng/đơn (*Bốn mươi tám triệu đồng/đơn*).

Điều 4. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

1. Nội dung các nhiệm vụ được hỗ trợ:

a) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị.

c) Giới thiệu, quảng bá, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

d) Áp dụng vào thực tiễn đối với các sản phẩm, dịch vụ đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

đ) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; chủ thể quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

e) Nâng cao năng lực tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

g) Chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ có các kết quả nghiên cứu ra các sản phẩm, dịch vụ đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

3. Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Miễn phí thực hiện các thủ tục chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các thủ tục tại cơ quan chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 5. Hỗ trợ thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

a) Nhiệm vụ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

b) Dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Hỗ trợ kinh phí tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan). Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/đơn vị tham gia (*Mười triệu đồng/đơn vị tham gia*).

Điều 6. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ và phát triển thương hiệu

1. Nội dung các nhiệm vụ được hỗ trợ:

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b) Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng về đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ, xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu sản phẩm và thương hiệu của doanh nghiệp.

c) Biên soạn, phát hành tài liệu về phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

d) Xây dựng và vận hành phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

đ) Thiết kế hệ thống các dấu hiệu nhận diện thương hiệu tương ứng cho các thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm.

e) Tư vấn chiến lược xây dựng và phát triển các thương hiệu doanh nghiệp và thương hiệu sản phẩm.

g) Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, marketing, các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm.

h) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu.

2. Định mức chi hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 7. Điều kiện hỗ trợ

1. Đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu: Phải có phiếu đề xuất, nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở; gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành tuyển chọn và hỗ trợ thực hiện theo đúng quy định.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng mới, bản quyền tác giả phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối tượng có nhu cầu đăng ký bảo hộ phải được thể hiện dưới dạng sản phẩm, quy trình cụ thể.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử trên địa bàn tỉnh, có thể áp dụng hoặc phổ biến rộng rãi để mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

c) Không trùng hoặc tương tự với đối tượng của các tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trước đó.

d) Không trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội và không có những tác động tiêu cực đến quốc phòng - an ninh.

đ) Trường hợp đã được cấp văn bằng bảo hộ thì ngày cấp văn bằng phải sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở trong nước:

a) Có sản phẩm, dịch vụ cụ thể đã hoặc dự kiến mang nhãn hiệu.

b) Không trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân khác đã đăng ký bảo hộ trước đó.

c) Hình thức thể hiện của nhãn hiệu không trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh.

d) Trường hợp đã được cấp văn bằng bảo hộ thì ngày cấp văn bằng phải sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

4. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài:

a) Nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ ở trong nước.

b) Nhãn hiệu thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể hoặc đã được chứng nhận OCOP, chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu từ cấp tỉnh trở lên hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ có sản phẩm mang nhãn hiệu được xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

c) Có hợp đồng còn hiệu lực hoặc tài liệu hợp lệ chứng minh sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu được xuất khẩu ở quốc gia có nhu cầu đăng ký bảo hộ.

5. Điều kiện hỗ trợ trực tiếp để đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng mới ở nước ngoài:

a) Có khả năng đáp ứng yêu cầu được bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và điều ước quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ mà Việt Nam tham gia.

b) Sản phẩm có khả năng áp dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng.

c) Có hợp đồng còn hiệu lực hoặc tài liệu chứng minh sản phẩm được xuất khẩu ở quốc gia có nhu cầu đăng ký bảo hộ.

6. Điều kiện hỗ trợ tham gia trưng bày, triển lãm sản phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này:

a) Đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp văn bằng bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Sản phẩm đã được thương mại hoá, ứng dụng vào thực tiễn.

7. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được hỗ trợ phải có đơn đề nghị kèm theo các tài liệu chứng minh việc đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều này và phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, không vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tiếp nhận và xem xét giải quyết nhu cầu của các tổ chức, cá nhân có liên quan và có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết các thành phần hồ sơ và thủ tục hỗ trợ theo quy định.

8. Ưu tiên hỗ trợ sản phẩm chủ lực, đặc thù và có thế mạnh của tỉnh.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí Sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hằng năm.

2. Kinh phí từ nguồn chi Xúc tiến thương mại hằng năm.

3. Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trường hợp các định mức theo Nghị quyết này cao hơn định mức được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có tính pháp lý cao hơn thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có tính pháp lý cao.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bình Phước khóa ..., kỳ họp ... thông qua ngày.... tháng... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng.... năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT (Sở TT&TT);
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: 213 /BC-STP

Bình Phước, ngày 09 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Ngày 08/9/2021, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1495/SKHCN-QLkHCN ngày 07/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 1495/SKHCN-QLkHCN ngày 07/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp chuyên đề năm 2021 theo Thông báo số 238/TB-HĐND ngày 16/8/2021 về kết luận họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 12/8/2021.

Trong quá trình thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính

phù quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Việc Sở Khoa học và công nghệ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước là biện pháp thực có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và phù hợp theo Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 ; Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Tỉnh uỷ về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025, đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Nội dung dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước về cơ bản phù hợp với các quy định đã giao quy định chi tiết. Tuy nhiên, về các mức hỗ trợ cụ thể đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phù hợp theo quy định và tình hình ngân sách của địa phương.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

a) Tại phần thẩm quyền ban hành Nghị quyết đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chỉnh sửa lại cho phù hợp vì theo thông báo số 238/TB-HĐND ngày 16/8/2021 của HĐND tỉnh về kết luận họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 12/8/2021 thì dự thảo Nghị quyết này được trình tại kỳ họp chuyên đề năm 2021.

b) Tại phần căn cứ pháp lý:

- Đề nghị tách căn cứ pháp lý thứ 1, 2, 5 thành các căn cứ pháp lý riêng biệt cho rõ ràng, cụ thể;

- Tại căn cứ pháp lý thứ 11, 12, 13, 14 đề nghị thay cụm từ “Căn cứ” bằng cụm từ “Thực hiện” cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ vì các căn cứ trên không phải là căn cứ pháp lý cao hơn để Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này;

- Trong toàn bộ các căn cứ pháp lý đề nghị thống nhất cách ghi ngày, tháng, năm ban hành văn bản cho phù hợp theo Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

c) Tại điểm b khoản 1 Điều 3 đề nghị thay cụm từ “Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ” cho phù hợp theo thẩm quyền ban hành văn bản của cơ quan này.

d) Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ khi trích dẫn văn bản lần đầu đề nghị trích dẫn đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành, tên gọi của văn bản cho đúng sau đó quy định việc viết tắt cho phù hợp.

đ) Trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết đề nghị rà soát lại dấu câu, lỗi chính tả cho đúng vì có quá nhiều lỗi trong dự thảo.

5. Về nội dung

a) Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo đề nghị thay cụm từ “cơ chế” bằng cụm từ “nguyên tắc” cho phù hợp.

b) Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét cụm từ “ưu tiên” để quy định cho phù hợp vì khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua thì tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh hoạt động nghiên cứu, sản xuất kinh doanh các sản phẩm dịch vụ có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ đều được hỗ trợ theo Nghị quyết này.

c) Tại gạch đầu dòng thứ 5 khoản 2 Điều 1 dự thảo đề nghị Sở Khoa học và công nghệ thay thế cụm từ “công tác” bằng một cụm từ khác cho phù hợp.

d) Đề nghị Sở Khoa học và công nghệ xem xét, chỉnh sửa lại đoạn “theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ ... khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết cho ngắn gọn đồng thời vẫn đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua.

đ) Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ bỏ cụm từ “tối đa” tại Điều 3, 4, 5, 6 dự thảo cho phù hợp vì cụm từ này đã được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 2 về nguyên tắc hỗ trợ.

đ) Tại điểm b khoản 3 Điều 3 đề nghị bỏ đoạn “phần kinh phí còn lại ... tham gia đối ứng” cho phù hợp vì việc quy định cụm từ này là không cần thiết do trong nội dung khoản 5 Điều 2 đã quy định nội dung này.

e) Tại đoạn 1, đoạn 2 khoản 2 Điều 5 dự thảo đề nghị Sở Khoa học và công nghệ chỉnh sửa lại cho ngắn gọn mà vẫn đảm bảo được nội dung hỗ trợ.

g) Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát lại các nội dung quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 7 dự thảo cho ngắn gọn vì nội dung các khoản này có sự trùng lặp; đồng thời đề nghị Sở Khoa học và công nghệ chỉnh sửa lại nội dung quy định tại điểm đ khoản 2, điểm d khoản 6 Điều 7 cho phù hợp với văn phong văn bản và theo quy định của pháp luật.

h) Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chỉnh sửa lại tên của Điều 7 dự thảo cho phù hợp với nội dung của điều vì nội dung của điều chỉ quy định về điều kiện hỗ trợ chứ không quy định thủ tục hỗ trợ.

i) Đề nghị bỏ các chú thích trong toàn bộ văn bản cho phù hợp về hình thức ban hành văn bản QPPL.

k) Tại Điều 9 của dự thảo đề nghị tách thành hai Điều, một điều quy định về việc áp dụng, thực hiện văn bản và một điều quy định về việc tổ chức triển khai Nghị quyết và thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết cho phù hợp không nên dàn trải ý quá nhiều dẫn đến không đúng bố cục của một điều trong văn bản QPPL.

III. Kết luận

Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước chi đủ

điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

* *Lưu ý:* Trong quá trình tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, bổ sung, cập nhật thêm các nội dung mới theo các văn bản QPPL của cơ quan Nhà nước cấp trên có hiệu lực thi hành tại thời điểm tổng hợp.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở KHCN;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, PC.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Hiếu

Số: 1518/BC-SKHCN

Bình Phước, ngày 09 tháng 09 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ đề nghị Nghị quyết quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp.

Tiếp theo Tờ trình số 1508/TT-SKHCN ngày 08/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết), đến nay Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được Báo cáo số /BC-STP ngày 09/9/2021 của Sở Tư pháp về việc thẩm định Dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết (Dự thảo lần 4) để trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua. Thực hiện quy định tại Khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp như sau:

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

- Sở Tư pháp đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho phù hợp theo quy định và tình hình ngân sách của địa phương.

- Sở Khoa học và Công nghệ xin giải trình như sau: Nội dung này đã được Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện và đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính tại Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/2021, đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

2. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

a) Về thẩm quyền ban hành

- Sở Tư pháp đề nghị đề nghị chỉnh sửa lại cho phù hợp vì theo Thông báo số 238/TB-HĐND ngày 16/8/2021 của HĐND tỉnh về kết luận họp Thường trực



HĐND tỉnh ngày 12/8/2021 thì dự thảo Nghị quyết này được trình tại kỳ họp chuyên đề năm 2021.

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

b) Tại phần căn cứ pháp lý

- Sở Tư pháp đề nghị tách căn cứ pháp lý thứ 1, 2, 5 thành các căn cứ pháp lý riêng biệt cho rõ ràng, cụ thể: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Tại căn cứ pháp lý thứ 11, 12, 13, 14 đề nghị thay cụm từ “Căn cứ” bằng cụm từ “Thực hiện” cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ vì các căn cứ trên không phải là căn cứ pháp lý cao hơn để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Trong toàn bộ các căn cứ pháp lý đề nghị thống nhất cách ghi ngày, tháng, năm ban hành văn bản cho phù hợp theo Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 3 đề nghị thay cụm từ “Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ” cho phù hợp theo thẩm quyền ban hành văn bản của cơ quan này: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Đề nghị khi trích dẫn văn bản lần đầu đề nghị trích dẫn đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành, tên gọi của văn bản cho đúng sau đó quy định việc viết tắt cho phù hợp: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết đề nghị rà soát lại dấu câu, lỗi chính tả cho đúng vì có quá nhiều lỗi trong dự thảo: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

3. Về nội dung

- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo đề nghị thay cụm từ “cơ chế” bằng cụm từ “nguyên tắc” cho phù hợp: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo đề nghị xem xét cụm từ “ưu tiên” để quy định cho phù hợp vì khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua thì tất cả các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh hoạt động nghiên cứu, sản xuất kinh doanh các sản phẩm dịch vụ có khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ đều được hỗ trợ theo Nghị quyết này: Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị giữ nguyên như dự thảo để việc hỗ trợ được tập trung vào những đối tượng quan trọng, tránh tình trạng hỗ trợ dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, đồng thời đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương như ý kiến Sở Tài chính đã góp ý tại Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/202.

- Tại gạch đầu dòng thứ 5 khoản 2 Điều 1 dự thảo đề nghị Sở Khoa học và công nghệ thay thế cụm từ “công tác” bằng một cụm từ khác cho phù hợp: Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì khoản 1 Điều 157 Luật

Sở hữu trí tuệ năm 2005 và khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 đã quy định như vậy.

- Đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại đoạn “theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ ... khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết cho ngắn gọn đồng thời vẫn đảm bảo tính khả thi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua: Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì những lý do sau đây:

+ Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành quy định quản lý Chương trình này, căn cứ vào đó để các địa phương thống nhất thực hiện.

+ Trước đây, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 về Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Hiện nay đang được Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung. Do đó, các nhiệm vụ cấp tỉnh trong Dự thảo Nghị quyết này sẽ áp dụng Quy định này và quy định mới. Vì vậy, việc viện dẫn chung đến quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và của UBND tỉnh là phù hợp và đảm bảo tính khả thi.

- Đề nghị bỏ cụm từ “tối đa” tại Điều 3, 4, 5, 6 dự thảo cho phù hợp vì cụm từ này đã được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 2 về nguyên tắc hỗ trợ: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Tại điểm b khoản 3 Điều 3 đề nghị bỏ đoạn “phần kinh phí còn lại... tham gia đối ứng” cho phù hợp vì việc quy định cụm từ này là không cần thiết do trong nội dung khoản 5 Điều 2 đã quy định nội dung này: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Tại đoạn 1, đoạn 2 khoản 2 Điều 5 dự thảo đề nghị Sở Khoa học và công nghệ chỉnh sửa lại cho ngắn gọn mà vẫn đảm bảo được nội dung hỗ trợ: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 14/2019/TT-BTC ngày 15/3/2019 của Bộ Tài chính về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ rà soát lại các nội dung quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 7 dự thảo cho ngắn gọn vì nội dung các khoản này có sự trùng lặp: Sở Khoa học và Công nghệ giữ nguyên như Dự thảo vì mỗi đối tượng có điều kiện đáp ứng riêng, không thể gộp chung, đồng thời để việc quy định được rõ ràng, cụ thể cho từng đối tượng.

- Đề nghị chỉnh sửa lại nội dung quy định tại điểm đ khoản 2, điểm d khoản 6 Điều 7 cho phù hợp với văn phong văn bản và theo quy định của pháp luật: Sở Khoa học và Công nghệ giữ nguyên như Dự thảo vì đã tiếp thu ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

- Đề nghị chỉnh sửa lại tên của Điều 7 Dự thảo cho phù hợp với nội dung của điều vì nội dung của điều chỉ quy định về điều kiện hỗ trợ chứ không quy định thủ tục hỗ trợ: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

- Đề nghị bỏ các chú thích trong toàn bộ văn bản cho phù hợp về hình thức ban hành văn bản QPPL: Tiếp thu và sẽ chỉnh sửa sau cuộc họp của UBND tỉnh (vì mục đích để chú thích nhằm giúp các thành viên UBND tỉnh khi họp thuận tiện xem xét, đối chiếu các nội dung đã tiếp thu chỉnh sửa theo ý kiến các đơn vị liên quan và ý kiến phản biện của MTTQ Việt Nam tỉnh).

- Tại Điều 9 của Dự thảo đề nghị tách thành hai Điều, một điều quy định về việc áp dụng, thực hiện văn bản và một điều quy định về việc tổ chức triển khai Nghị quyết và thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết cho phù hợp, không nên dẫn trái ý quá nhiều dẫn đến không đúng bố cục của một điều trong văn bản QPPL: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và đã chỉnh sửa.

Trên đây là nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh xem xét.

(Gửi kèm Dự thảo Nghị quyết lần 4 đã tiếp thu, chỉnh sửa những nội dung trên)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Ban Lãnh đạo Sở;
- Phòng QLKH-CN (Liên);
- Lưu: VT.



Đặng Hà Giang

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2194 /STC-HCSN
V/v góp ý đề nghị xây dựng
Nghị quyết năm 2021 của Sở
Khoa học và Công nghệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 08 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1083/SKHCN-QLKHCN ngày 14/7/2021 và Công văn số 1127/SKHCN-QLKHCN ngày 20/7/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý đề cương dự thảo Nghị quyết; Góp ý đề cương dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Thông nhất nguồn kinh phí để xây dựng 02 Nghị quyết nêu trên do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo sử dụng từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ; Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Sở Tài chính thông báo đến quý cơ quan biết để phối hợp thực hiện./g

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ;
- Lưu: VT, HCSN, Trung

K/T. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Phương Thảo

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2564 /STC-HCSN
V/v góp ý Dự thảo Nghị
quyết của HĐND tỉnh quy
định về chính sách hỗ trợ
phát triển tài sản trí tuệ và
thương hiệu cho các sản
phẩm, dịch vụ trên địa bàn
tỉnh

Bình Phước, ngày 07 tháng 09 năm 2021

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1427/SKHCN-QLKHCN ngày 26/8/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh,

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính có ý chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính như sau:

Cơ bản thống nhất với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, đề nghị điều chỉnh bổ sung một số nội dung, cụ thể:

- Tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết đơn vị vận dụng mức chi của Thông tư số 14/2019/TT-BTC ngày 26/8/2019 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Thông tư này chỉ thực hiện cho giai đoạn 2016-2020 và chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện cho giai đoạn mới. Mặt khác, do nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ còn rất nhiều nội dung chi. Do vậy, thống nhất theo dự thảo vận dụng Thông tư số 14/2019/TT-BTC để thực hiện nhưng mức chi bằng 80% của mức chi tại Thông tư số 14/2019/TT-BTC.

- Tại khoản 2 Điều 6 Dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh thành: “*Định mức chi theo quy định hiện hành*”.

- Tại Điều 8 Dự thảo Nghị quyết đề nghị đơn vị điều chỉnh theo các nội dung góp ý tại công văn số 2194/STC-HCSN ngày 08/8/2021 của Sở Tài chính.

Sở Tài chính thông báo đến quý cơ quan nêu trên biết để phối hợp thực hiện./g

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ;
- Lưu: VT, HCSN, Trung

K/T. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Phương Thảo

Số: 1213/MTTQ-BTT

Bình Phước, ngày 07 tháng 9 năm 2021

*V/v: tổng hợp ý kiến phản biện xã hội
đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND
tỉnh về lĩnh vực khoa học và công nghệ*

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh

Thực hiện Nghị quyết liên tịch 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về “Hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

Thực hiện Chương trình số 03/Ctr-MTTQ, ngày 06/01/2021 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về giám sát, phản biện xã hội năm 2021 đã được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt tại Công văn số 135-CV/TU, ngày 15/01/2021.

Trên cơ sở Công văn số 1295/SKHCN-QLKHCN, ngày 10/8/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh về việc đề nghị phản biện xã hội dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh “*Quy định về chính sách hỗ trợ, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ, trên địa bàn tỉnh*”.

Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh Bình Phước xây dựng kế hoạch số 186/KH-MTTQ-BTT ngày 20/8/2021 tổ chức phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết “*Quy định về chính sách hỗ trợ, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ, trên địa bàn tỉnh*” (viết tắt là Nghị quyết).

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia phản biện xã hội, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Các ý kiến phản biện xã hội đều thống nhất với các nội dung sau:

- Xác định vai trò quan trọng của tài sản trí tuệ (TSTT) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách đã được Đảng, Chính phủ ban hành nhằm thúc đẩy việc tạo dựng, quản lý và phát triển TSTT như: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019

của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030. Đáng chú ý, Chương trình phát triển TSTT giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt tại các Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 6/12/2010 và số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng chính phủ.

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên, theo Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, đến nay, công tác bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT nói chung và Chương trình phát triển TSTT nói riêng vẫn còn một số tồn tại. Trong đó, các chủ thể Việt Nam chủ yếu là đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chưa có nhiều đơn đăng ký sáng chế. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam mặc dù khá sôi động nhưng chúng ta chưa có nhiều sản phẩm chứa hàm lượng trí tuệ cao. Đội ngũ các chuyên gia, nhà khoa học, đơn vị tư vấn về quản trị TSTT, quản lý và phát triển TSTT chưa được phát triển như kỳ vọng cả về số lượng và chất lượng...

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại; tiếp tục thực hiện mục tiêu đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, ngày 24/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 2205/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030. Chương trình tập trung vào các nội dung: Tăng cường các hoạt động tạo ra TSTT, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ; Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước; Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội.

Với lộ trình, mục tiêu cụ thể, Chương trình phát triển TSTT đến năm 2030 sẽ mở ra hướng đi mới, khai thác tối đa hiệu quả TSTT của các chủ thể, góp phần đưa sở hữu trí tuệ thực sự trở thành công cụ hữu hiệu thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Có ý kiến khác đồng tình cho rằng: Việc tham mưu ban hành Nghị quyết này là cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tiễn của địa phương; Phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc hỗ trợ, đối tượng áp dụng đã phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình, điều kiện, khả năng thực tế của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế.

2. Ý kiến phản biện xã hội cụ thể:

2.1. Về căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết:

- Căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị quyết:

+ Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với Hiến pháp và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan, căn cứ ban hành văn bản rõ ràng và đi sâu vào thực tiễn tại địa phương.

+ Đối với cơ sở thực tiễn cho việc ban hành Nghị quyết thì đã là kịp thời so với xu hướng phát triển chung của tỉnh là đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, phù hợp với quy mô và sự phát triển của các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nói chung và những doanh

ngành có đầu tư kinh doanh tại tỉnh Bình Phước nói riêng, đáp ứng việc thay thế các chính sách về SHTT đã hết hiệu lực của UBND tỉnh. Vấn đề hỗ trợ của tỉnh nhà đối với những tài sản sở hữu trí tuệ hiện nay, cụ thể là “Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước” là một tiếng chuông khởi đầu cho việc thôi thúc các doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp vừa và nhỏ phát huy tối đa thế mạnh của mình vào các sản phẩm sở hữu trí tuệ cũng như góp phần trở thành các sản phẩm mũi nhọn của Doanh nghiệp, của tỉnh nhà. Do đó, Nghị quyết này ra đời tại thời điểm này là sự hỗ trợ cực kỳ cần thiết cho phát triển công nghiệp hóa – hiện đại hóa của tỉnh Bình Phước, nhất là trong bối cảnh các doanh nghiệp cần có một bàn đạp cực kỳ vững chắc, một sự hỗ trợ về cả pháp lý lẫn tài chính để vực dậy nền kinh tế sau đại dịch COVID-19.

- Đề nghị cân nhắc bổ sung phần căn cứ “*Quyết định 1177/QĐ-UBND năm 2014 điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025*”. Vì đây là một trong những căn cứ quan trọng để HĐND tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, bảo đảm môi trường đầu tư, duy trì lợi thế cạnh tranh và bảo vệ lợi ích quốc gia và đang ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Đề nghị sửa từ “**Hội nghị**” thành “**Đại hội đại biểu**” trong nội dung: “*Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy... lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*” để đảm bảo nội dung căn cứ được chính xác, đầy đủ.

2.1. Về Nội dung Nghị quyết:

- Về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết: đã tương đối đầy đủ, tuy nhiên cũng cần phải nói thêm rằng việc hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (TSTT) và thương hiệu cũng có một phần liên quan đến các chỉ dẫn địa lý, chúng ta cần phải **bổ sung** vào phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết nội dung “**chỉ dẫn địa lý**” để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến những chỉ dẫn địa lý xuất phát từ các địa phương trực thuộc tỉnh (hạt điều Bình Phước, hồ tiêu Bình Phước...), việc đánh giá cao các chỉ dẫn địa lý cũng chính là nâng cao tính cạnh tranh của các thương hiệu tỉnh nhà nhằm tăng giá bán cho các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, khuyến khích sản xuất cho nhân dân.

- Về đối tượng áp dụng của Nghị quyết: tại dự thảo Nghị quyết đã đưa ra gần như tất cả các thành phần, đối tượng có ảnh hưởng đến phát triển sở hữu trí tuệ (SHTT), việc này trước tiên là phù hợp với quy định pháp luật, với tình hình phát triển chung của tỉnh nhà đáp ứng không bỏ sót đối tượng nào, đảm bảo quyền bình đẳng khi tham gia vào các chính sách xã hội liên quan SHTT, tuy nhiên chúng ta cũng cần **phải thêm** vào đối tượng áp dụng của Nghị quyết “**các cơ quan hữu quan có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý về SHTT**” vì: Thứ nhất, là nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hữu quan nhà nước đối với các quy định, chính sách đã được thông qua; Thứ hai, là đẩy mạnh được công tác xúc tiến thực hiện chính sách, điều chỉnh và nâng cao sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan trên đối với các cá nhân cơ quan, tổ chức khác đang có nhu cầu áp dụng, thực hiện các chính sách SHTT.

- Tại khoản 2, Điều 1 về đối tượng áp dụng: đề nghị nghiên cứu, xem xét, bổ sung đối tượng áp dụng là **liên hiệp hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân**. Lý do: đảm bảo đúng với quy định về chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới cho các hợp tác xã được quy định tại điểm c, mục 1, Điều 6, Luật Hợp tác xã năm 2012 (Luật số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội).

- Tiết 2, điểm a, khoản 2, Điều 1, dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung cụm từ "**sáng tạo kỹ thuật**" sau cụm từ "...nghiên cứu khoa học" vì các tác giả có sáng tạo kỹ thuật được các cấp thẩm quyền trao giải hoặc nghiệm thu cũng là đối tượng cần hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Tiết 8, điểm a, khoản 2, Điều 1, dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung cụm từ "**Hội thi về sáng tạo kỹ thuật và khoa học công nghệ**" vào sau cụm từ "**cuộc thi**", để bao quát mọi lĩnh vực sáng tạo.

- Về nguyên tắc hỗ trợ: tại Khoản 2 Điều 2 về nguyên tắc hỗ trợ nêu ra chỉ hỗ trợ một lần cho các cá nhân/tổ chức. Vấn đề đặt ra là nếu cá nhân đó có trên 02 sản phẩm SHTT (tức là có 02 đối tượng cần phát triển trong đó có một đối tượng sản phẩm được phát triển sau khi đối tượng sản phẩm đầu tiên đã được hỗ trợ) thì nếu họ chỉ được hỗ trợ một lần, vậy sản phẩm thứ 02 vô tình trở thành con ghê, không được nhận hỗ trợ. Như vậy là trái với mục đích ban đầu chúng ta đưa ra khi ban hành Nghị quyết là tăng cường bảo hộ, phát triển TSTT và thương hiệu nhằm gia tăng hàm lượng trí tuệ, tăng lợi thế cạnh tranh, phát triển các thương hiệu của địa phương từ đó đưa SHTT thành công cụ thúc đẩy kinh tế, xã hội. Cho nên, nếu đã hỗ trợ, chúng ta hỗ trợ cho đầy đủ các đối tượng sản phẩm sở hữu trí tuệ, không nên bỏ sót bất kỳ một sản phẩm nào. Thay vì nội dung tại Khoản 2 Điều 2, Dự thảo Nghị quyết đã nêu thì đề nghị nên sửa lại như sau: "**chỉ được hỗ trợ một lần đối với mỗi đối tượng sản phẩm sở hữu trí tuệ**" thì sẽ hợp lý hơn.

- Có ý kiến khác đề nghị: khoản 2, Điều 2, quy định "**Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ một lần và được chọn quyền đăng ký nhiều nội dung để hỗ trợ**"; đề nghị điều chỉnh lại cho rõ hơn, dễ hiểu hơn, cụ thể: "**Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung để hỗ trợ, mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần**".

- Về mức hỗ trợ (được quy định tại Điều 3 của Dự thảo Nghị quyết): tại khoản 2, 3 Điều 3, Dự thảo Nghị quyết quy định:

"2. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền tác giả, giống cây trồng mới. Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, lập và nộp hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ. Định mức hỗ trợ được quy định như sau:

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: Tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn.

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: Tối đa không quá 15 triệu đồng/đơn;

c) Đối với giống cây trồng mới: Tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn.

d) Đối với đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: Tối đa không quá 10 triệu đồng/đơn.

d) Đối với đơn đăng ký bảo hộ bản quyền tác giả: Tối đa không quá 5 triệu đồng/đơn.

3. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới trước đó đã nộp đơn đăng ký bảo hộ ở trong nước.

a) Nội dung hỗ trợ gồm hoàn thiện bản thiết kế mẫu hoặc bản vẽ kỹ thuật, tra cứu khả năng bảo hộ, giao dịch và dịch sang ngôn ngữ bản địa, thuê đại diện về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc gia đăng ký, lập hồ sơ bảo hộ, theo dõi đơn đăng ký bảo hộ tại quốc gia đăng ký, báo cáo giải trình các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của cơ quan sở hữu trí tuệ tại quốc gia đăng ký.

b) Mức hỗ trợ tối đa không quá 60 triệu đồng/đơn; phần kinh phí còn lại (nếu có) do tổ chức, cá nhân tham gia đối ứng."

Việc dùng cụm từ "*tối đa không quá*" để định mức hỗ trợ như thế sẽ gây khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết; đề nghị cần cân nhắc quy định mức hỗ trợ cụ thể và dứt khoát hơn. Ví dụ: một số địa phương khác, họ đã quy định mức hỗ trợ rất cụ thể và rất dễ thực hiện, cụ thể:

"1. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới

a) Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 30 triệu đồng/đơn;

b) Đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 15 triệu đồng/đơn;

c) Giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn.

2. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với các sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực của tỉnh, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới: 60 triệu đồng/đơn"

- Về hình thức, danh mục hỗ trợ quy định tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6: Theo chúng ta đã biết thì quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: Sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch bán dẫn, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, trong Dự thảo Nghị quyết các danh mục hỗ trợ, cụ thể tại Khoản 2, Điều 3 chưa thấy nêu ra sự hỗ trợ đối với "*thiết kế bố trí mạch bán dẫn, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bí mật kinh doanh*". Đây là thiếu sót cần phải được bổ sung vào Nghị quyết chính thức để đảm bảo danh mục hỗ trợ không thiếu sót đối tượng SHTT nào. Về mức kinh phí trong Dự thảo Nghị quyết đã khá cân đối và phù hợp, mặc dù lệ phí đăng ký bảo hộ theo Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính thì lệ phí là rất thấp nhưng việc UBND tỉnh hỗ trợ một cách tối đa như vậy để các cá nhân/tổ chức dùng nguồn hỗ trợ để phát triển sản phẩm SHTT của mình là một điều cần thiết để đẩy mạnh SHTT tại tỉnh nhà. Tuy nhiên, theo những nội dung đang còn thiếu sót như trình bày ở trên, chúng ta cũng phải bổ sung đầy đủ cả về đối tượng hỗ trợ và cân đối mức hỗ trợ đối với những hạng mục đó một cách cụ thể và chi tiết.

- Nội dung thủ tục hỗ trợ tại Điều 7, Dự thảo Nghị quyết cần được bổ sung chi tiết về quy trình hỗ trợ như thế nào, thời gian tiếp nhận và giải quyết cho các cá nhân/tổ chức nhận nguồn hỗ trợ tối đa là bao lâu kể từ thời điểm nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký nhận hỗ trợ thì các cá nhân/tổ chức đó được nhận giải ngân và nếu không đầy đủ hồ sơ thì trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc nhắc nhở bổ sung hồ sơ cho các cá nhân/tổ chức đó như thế nào chúng ta cần phải thật chi tiết để tránh việc có quy định nhưng khó thực hiện khiến Nghị quyết không thể bám sát và đi sâu vào thực tiễn.

- Điểm d, khoản 2, Điều 7 và điểm d, khoản 6, Điều 7, đề nghị bổ sung thêm cụm từ **“không làm ảnh hưởng đến quốc phòng – an ninh”** cho đầy đủ các điều kiện cần thiết, nhất là trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Trên đây là tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết *“Quy định về chính sách hỗ trợ, phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ, trên địa bàn tỉnh”*.

3. Một số kiến nghị:

- Nên có ưu tiên các thương hiệu mạnh, các sản phẩm chứa hàm lượng công nghệ cao, nhất là các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Cần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ. Đây là nội dung quan trọng thể hiện hiệu quả của Nghị quyết.

- Coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là nguồn cầu quan trọng của thị trường KH và CN; tránh tư tưởng ngại nghiên cứu, đổi mới KH và CN mà chủ yếu đi mua công nghệ nước ngoài để nhanh và có lợi ích; dùng nhân công giá rẻ, lao động dư thừa ở nông thôn. Khi lập kế hoạch phát triển, cần có một kế hoạch phát triển KH và CN đi kèm theo; có cơ chế, tạo thuận lợi khuyến khích DN xây dựng Quỹ KH và CN, ứng dụng KH và CN; quy định mức độ ứng dụng KH và CN để biểu dương doanh nghiệp trong đánh giá giá trị sản xuất (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...), cần làm rõ hàm lượng KH và CN chiếm bao nhiêu? Chỉ số năng xuất tổng hợp là bao nhiêu? Trên cơ sở đó có các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chỉ số này.

Đề nghị Sở khoa học – Công nghệ có văn bản tiếp thu giải trình gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và thành phần tham gia phản biện xã hội theo đúng quy định (*chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày và có giải trình cụ thể*).

Nơi nhận:

- BTT.UBTWMTTQVN;
- Ban DCPL + Ban CTPN (MTTW);
- TT Tỉnh ủy; TT. HĐND; UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Như kính gửi;
- Thành phần tham gia PBXH;
- Ban DCPL, KT (MTTQVN tỉnh);
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH



Le Thị Xuân Trang

Số: 1516 /BC-SKHCN

Bình Phước, ngày 09 tháng 09 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước đối với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Theo Công văn số 1213/MTTQ-BTT ngày 07/9/2021 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về lĩnh vực khoa học và công nghệ, bên cạnh các ý kiến thống nhất, Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được 12 ý kiến góp ý chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết).

Qua rà soát, nghiên cứu các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến biên như sau:

- Đối với 12 ý kiến góp ý chỉnh sửa, bổ sung: Sở Khoa học và Công nghệ giải trình, tiếp thu như Phụ lục kèm theo báo cáo này (Phụ lục đính kèm).

- Đối với một số kiến nghị: Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu và sẽ tổ chức triển khai thực hiện ở các nhiệm vụ có liên quan theo thẩm quyền.

Hồ sơ gửi kèm:

(1) Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/2021 của Sở Tài chính.

(2) Dự thảo Nghị quyết lần 3 đã được hoàn thiện sau khi tiếp thu các ý kiến góp ý.

Trên đây là nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết, Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi và trân trọng cảm ơn tới Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân đã tham gia phản biện đối với Dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ban Lãnh đạo Sở;
- Phòng QLKHCN (Liên);
- Lưu: VT.



Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN PHẢN BIỆN XÃ HỘI
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
(Kèm theo Báo cáo số 1516 /BC-SKHCN ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
1	Phần Căn cứ pháp lý	Đề nghị cân nhắc bổ sung phần căn cứ “Quyết định 1177/QĐ-UBND năm 2014 điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì phần căn cứ pháp lý đã có Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025) là chủ trương quan trọng, cao hơn để xây dựng các chính sách liên quan. Thay vào đó, Sở KHCN bổ sung vào phần căn cứ pháp lý Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Lý do: Điều 11 và Điều 22 Nghị định này cũng có quy định chính sách hỗ trợ về sở hữu trí tuệ có thể vận dụng để làm rõ cơ sở quy định các định mức liên quan.
2		Đề nghị sửa từ “ Hội nghị ” thành “ Đại hội đại biểu ” trong nội dung: “ <i>Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy.....lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025</i> ” để đảm bảo nội dung căn cứ được chính xác, đầy đủ.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung trong Dự thảo lần 3.
3	Khoản 1 Điều 1	Cần phải bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết nội dung “chỉ dẫn địa lý” để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến những chỉ dẫn địa lý xuất phát từ các địa phương trực thuộc tỉnh	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. Lý do: Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
		(hạt điều Bình Phước, hồ tiêu Bình Phước...)	sửa đổi bổ sung năm 2009 đã quy định “chỉ dẫn địa lý” là một trong những đối tượng của sở hữu công nghiệp và đã được coi là tài sản trí tuệ. Vì vậy, trong phạm vi điều chỉnh đã nêu đến cụm từ “tài sản trí tuệ” để đảm bảo tính bao quát hết các đối tượng, trong đó có chỉ dẫn địa lý.
4	Khoản 2 Điều 1	Bổ sung đối tượng là “các cơ quan hữu quan có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý về SHTT”	Tiếp thu và đã bổ sung vào điểm b khoản 2 Điều 1 như sau: “b) Cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.
5	Điểm a khoản 2 Điều 1	Bổ sung đối tượng áp dụng là liên hiệp hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân.	Đồng ý bổ sung đối tượng là liên hiệp hợp tác xã. Riêng đối tượng “Quỹ tín dụng nhân dân” không được quy định tại điểm c, mục 1, Điều 6, Luật Hợp tác xã năm 2012 nên Sở KH-CN đề nghị không đưa vào cụ thể trong Nghị quyết này. Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân có các hoạt động sở hữu trí tuệ liên quan cần hỗ trợ thì sẽ căn cứ vào các đối tượng được nêu chung là “Tổ chức”, “Chủ đầu tư” liệt kê tại điểm a khoản 2 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết để xem xét hỗ trợ.
6	Điểm a, khoản 2, Điều 1	Ở Tiết 2 đề nghị bổ sung cụm từ “ sáng tạo kỹ thuật ” sau cụm từ “... nghiên cứu khoa học ” vì các tác giả có sáng tạo kỹ thuật được các cấp thẩm quyền trao giải hoặc nghiệm thu cũng là đối tượng cần hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Đối tượng cuối cùng nêu tại điểm a, khoản 2, Điều 1 đã quy định đối tượng là “Tác giả của các sản phẩm, giải pháp đoạt giải tại các cuộc thi từ cấp tỉnh trở lên” mang tính

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
7		Ở Tiết 8 đề nghị bổ sung cụm từ “ Hội thi về sáng tạo kỹ thuật và khoa học công nghệ ” vào sau cụm từ “ cuộc thi ”, để bao quát mọi lĩnh vực sáng tạo.	bao quát, trong đó có các cuộc thi, hội thi về sáng tạo kỹ thuật. Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, không chỉ những sản phẩm kỹ thuật mới được hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà còn có các tác phẩm văn học, báo chí, âm nhạc, phần mềm máy tính, giống cây trồng... thông qua rất nhiều cuộc thi khác, không chỉ có “Hội thi về sáng tạo kỹ thuật và khoa học công nghệ”
8	Khoản 2 Điều 2	- Ý kiến thứ nhất: Đề nghị nên sửa lại như sau “chỉ được hỗ trợ một lần đối với mỗi đối tượng sản phẩm sở hữu trí tuệ”. - Ý kiến thứ hai: Đề nghị điều chỉnh lại cho rõ hơn, dễ hiểu hơn, cụ thể: “Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung để hỗ trợ, mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần”.	Sở KH-CN tiếp thu theo ý kiến thứ hai và chỉnh sửa lại như sau: “Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ và mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần”.
9	Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3	Việc dùng cụm từ “tối đa không quá” để định mức hỗ trợ như thế sẽ gây khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết; đề nghị cần cân nhắc quy định mức hỗ trợ cụ thể và dứt khoát hơn.	Tiếp thu một phần, đồng ý bỏ cụm từ “không quá”, đề nghị giữ nguyên cụm từ “tối đa”. Lý do: Thực tế, mỗi sản phẩm, đối tượng khi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có mức chi phí khác nhau, không thể áp dụng một mức. Ví dụ khi đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chi phí phụ thuộc vào nhóm sản phẩm, nếu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm sản phẩm thì chi phí đăng ký cao hơn doanh nghiệp có ít hơn hoặc chỉ có 1 sản phẩm. Vì vậy, thực tế sẽ có nhiều trường hợp hồ sơ đăng ký có chi phí thấp hoặc cao hơn nhiều so với mức Dự thảo Nghị quyết đã quy định. Việc quy định mức “tối đa” để đảm bảo tính tiết kiệm, khả thi và khả năng cân đối ngân

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
			sách Nhà nước khi hỗ trợ. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/2021, để đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất giảm định mức còn 80% so với định mức quy định trong Dự thảo Nghị quyết đã gửi phản biện.
10	Khoản 2 Điều 3	Chưa thấy nêu ra sự hỗ trợ đối với “Thiết kế bố trí mạch bán dẫn, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bí mật kinh doanh”	- Về đối tượng “Thiết kế bố trí mạch bán dẫn”, thực tế từ khai tái lập tỉnh đến nay, chưa có hồ sơ đăng ký bảo hộ nào, tuy nhiên để đảm bảo trong tương lai có phát sinh, Sở KH-CN tiếp thu, đồng ý bổ sung đối tượng này vào chung mức hỗ trợ với nhãn hiệu là: 10 triệu đồng/đơn. - Về đối tượng là “tên thương mại” và “bí mật kinh doanh”: Theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, hai đối tượng này được bảo hộ trên cơ sở sử dụng hợp pháp mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ. Vì vậy Dự thảo Nghị quyết không quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho những đối tượng này, - Về “chỉ dẫn địa lý”: Đã được quy định hỗ trợ theo Khoản 1 Điều 3, Điều 4 thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể quy định mức cụ thể mà căn cứ vào dự toán

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
			được lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, cơ quan có thẩm quyền sẽ thẩm định theo quy định.
11	Điều 7	Nội dung thủ tục hỗ trợ tại Điều 7, Dự thảo Nghị quyết cần được bổ sung chi tiết về quy trình hỗ trợ như thế nào, thời gian tiếp nhận và giải quyết cho các cá nhân/tổ chức nhận nguồn hỗ trợ tối đa là bao lâu kể từ thời điểm nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký nhận hỗ trợ thì các cá nhân/tổ chức đó được nhận giải ngân và nếu không đầy đủ hồ sơ thì trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc nhắc nhở bổ sung hồ sơ cho các cá nhân/tổ chức đó như thế nào chúng ta cần phải thật chi tiết để tránh việc có quy định nhưng khó thực hiện khiến Nghị quyết không thể bám sát và đi sâu vào thực tiễn.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì việc quy định cụ thể thủ tục hành chính (trong đó có yếu tố cấu thành là hồ sơ, thời gian xử lý) là hành vi bị nghiêm cấp theo quy định tại Điều 14 của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, tại khoản 8 Điều 7 đã giao cho Sở KHCN Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tiếp nhận và xem xét giải quyết nhu cầu của các tổ chức, cá nhân có liên quan và có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết các thành phần hồ sơ và thủ tục hỗ trợ theo quy định.
12	Điểm d, khoản 2, Điều 7 và điểm d, khoản 6, Điều 7	Đề nghị bổ sung cụm từ “không làm ảnh hưởng đến quốc phòng - an ninh” cho đầy đủ các điều kiện cần thiết, nhất là trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.	Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng “không có những tác động tiêu cực đến quốc phòng - an ninh” để quy định được cụ thể hơn.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CHO DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
VÀ THƯƠNG HIỆU CHO CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

1. Đối tượng lấy ý kiến:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- Các ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Phước;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Phước;
- Cục Hải Quan tỉnh Bình Phước;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội điều Bình Phước;
- Hội doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bình Phước;
- Hội Nữ doanh nhân tỉnh Bình Phước;
- Các Tổ chức KH-CN trên địa bàn tỉnh;



- Các doanh nghiệp KHCN trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan

- Số cơ quan, đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo: 18 .
- Có 07 cơ quan, đơn vị tham gia góp ý đề nghị chỉnh sửa, cụ thể như sau:

Stt	Điều/Khoản	Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
1	Khoản 2 Điều 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1637/SNN-VP ngày 24/8/2021	Sửa nội dung “Nông dân lai tạo ra giống cây trồng mới...” thành “Tổ chức, cá nhân tạo ra giống cây trồng mới, hoặc được chọn lọc tự nhiên được công nhận...”. - Lý do: (1) Chủ thể tạo ra giống mới không chỉ riêng chủ thể là nông dân mới thực hiện được mà các chủ thể khác như: Hợp tác xã, Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất... cũng có thể thực hiện được việc này. (2) Việc tạo ra giống cây trồng mới có rất nhiều phương pháp trong đó lai tạo là 1 trong các phương pháp.	- Tiếp thu một phần, đồng ý thay từ “Nông dân” thành “Tổ chức, cá nhân”. - Các cụm từ tiếp theo được bổ chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ và Điều 158 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.
2	Điều 2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước	2213/BCH-KHQS ngày 25/8/2021	Bổ sung khoản 6: “Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, không vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ	Nội dung này thuộc về điều kiện hỗ trợ nên Sở KHCN tiếp thu ý kiến này để bổ sung vào Khoản 8 Điều 7 Dự thảo Nghị quyết.

Stt	Điều/Khoản	Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
				quan quản lý Nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình thực hiện Nghị quyết này”.	
3	Khoản 2 Điều 3	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1281/SVHTTDL-VP ngày 24/8/2021	Tại Khoản 2 này của dự thảo chưa có trích dẫn các văn bản liên quan đến định mức hỗ trợ để làm căn cứ quy định định mức hỗ trợ (đề nghị bổ sung thêm các văn bản liên quan để làm căn cứ).	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. Lý do: Đây là Nghị quyết được xây dựng theo đặc thù của địa phương, có tham khảo định mức theo quy định có liên quan, cụ thể: - Thông tư số 14/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (Thông tư này đến nay đã hết hiệu lực). - Chính sách có liên quan đã được một số tỉnh ban hành như: Sóc Trăng (Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng); Thừa Thiên Huế (Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh); Ninh Bình (Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017); Tiền Giang (Quyết

Stt	Điều/Khoản	Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
					định số 2722/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Tiền Giang).
4	Khoản 1 Điều 6	Sở Công thương	1817/SCT-CN ngày 19/8/2021	Bổ sung thêm điểm i): Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, marketing, các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm.	Tiếp thu và đã bổ sung vào Dự thảo lần 2.
5	Khoản 9, Điều 7			Đề nghị điều chỉnh nội dung: “Ủy ban Nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành danh mục sản phẩm chủ lực của tỉnh để ưu tiên hỗ trợ theo Nghị quyết này” thành nội dung “Danh mục sản phẩm chủ lực ưu tiên hỗ trợ theo Nghị quyết này (phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết)”	Tiếp thu một phần, sửa lại như sau: “Ưu tiên hỗ trợ sản phẩm chủ lực, đặc thù và có thế mạnh của tỉnh”. Theo đó, các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ sẽ tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục các sản phẩm cụ thể.
6	Khoản 1, Điều 8			Nguồn kinh phí thực hiện đề nghị điều chỉnh thành: - Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ được phân bổ hàng năm; - Kinh phí từ nguồn chi Xúc tiến thương mại hàng năm; - Kinh phí đóng góp của các doanh nghiệp tham gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại Dự thảo lần 2.

Stt	Điều/Khoản	Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
7	Khoản 3 Điều 7	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước	2213/BCH-KHQS ngày 25/8/2021	Bổ sung điểm d: “Đối với nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, sáng chế, giải pháp hữu ích: Doanh nghiệp đã có văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ do cơ quan có thẩm quyền cấp; đối với hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn tỉnh phải có đề án đề nghị hỗ trợ”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì: - Khoản 2 Điều 1 đã quy định cụ thể các đối tượng ưu tiên, trong đó đã đề cập đến điều kiện sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. - Đối với nhãn hiệu thông thường, điểm d khoản 3 Điều 7 đã đề cập đến điều kiện ngày cấp văn bằng phải sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực để khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đăng ký bảo hộ. - Việc yêu cầu lập đề án cho nhiệm vụ hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn tỉnh: Điểm a khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 4 đã quy định rõ thực hiện dưới hình thức tuyển chọn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về

Stt	Điều/Khoản	Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
					quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và quy định của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở (các quy định này đã quy định rõ hồ sơ, thủ tục) nên trong Nghị quyết này không quy định lại hoặc phát sinh hồ sơ, thủ tục.
8	Điều 8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	1281/SVHTTDL-VP ngày 24/8/2021	Bổ sung Khoản 3: Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	Đã bổ sung trong Dự thảo lần 2 như góp ý của Sở Tài chính tại Công văn số 2194/SKHCHN-QLKHCN ngày 20/7/2021 và ý kiến của Sở Công thương tại Công văn số 1817/SCT-CN ngày 19/8/2021.
9	Nơi nhận	Sở Giáo dục và Đào tạo	2547/SGDDĐT-TTr ngày 20/8/2021	Bổ sung 2 nơi nhận là: “- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;” và “- Trung tâm CNTT (Sở TT&TT);”.	Tiếp thu và đã bổ sung trong phần nơi nhận của Dự thảo lần 2, trong đó nội dung “Cổng TTĐT tỉnh” được điều chỉnh thành “Trung tâm CNTT và TT” là cơ quan được Sở Thông tin và Truyền thông giao phụ trách Cổng TTĐT tỉnh và đăng công báo.
10	Về chủ trương cho	Sở Tư pháp	414/STP-PC ngày 16/8/2021	Dự thảo Nghị quyết chưa được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ	Theo Thông báo số 238/TB-HĐND ngày 16/8/2021 của

Stt	Điều/Khoản	Tên cơ quan, đơn vị, cá nhân	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
	xây dựng Nghị quyết			hợp gần nhất.	HĐND tỉnh về kết luận họp Thường trực HĐND tỉnh ngày 12/8/2021 và Công văn số 2768/UBND-TH ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình tại kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khoá X, Sở KH-CN đã được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng Nghị quyết nêu trên. Sở Khoa học và Công nghệ đã thông tin cho Sở Tư pháp được biết tại Công văn số 1408/SKH-CN-QLKH-CN ngày 24/8/2021.
11	Khoản 2, khoản 3 Điều 3	Sở Tài chính	Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/2021	Mức chi giảm xuống bằng 80% của mức chi tại Thông tư số 14/2019/TT-BTC. Lý do: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ còn rất nhiều nội dung chi khác.	Tiếp thu và đã giảm xuống 80 % định mức như góp ý.
12	Khoản 2 Điều 6			Đề nghị điều chỉnh thành: “Định mức chi theo quy định hiện hành”	Tiếp thu và đã chỉnh sửa.
13	Điều 8			Điều chỉnh theo các nội dung góp ý tại công văn số 2194/STC-HCSN ngày 08/8/2021 của Sở Tài chính	Tiếp thu và đã chỉnh sửa.

3. Tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước

Có 12 ý kiến góp ý đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung, Sở KHCN tiếp thu và giải trình cụ thể như sau:

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
1	Phần Căn cứ pháp lý	Đề nghị cân nhắc bổ sung phần căn cứ “Quyết định 1177/QĐ-UBND năm 2014 điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì phần căn cứ pháp lý đã có Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025) là chủ trương quan trọng, cao hơn để xây dựng các chính sách liên quan. Thay vào đó, Sở KHCN bổ sung vào phần căn cứ pháp lý Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Lý do: Điều 11 và Điều 22 Nghị định này cũng có quy định chính sách hỗ trợ về sở hữu trí tuệ có thể vận dụng để làm rõ cơ sở quy định các định mức liên quan.
2		Đề nghị sửa từ “ Hội nghị ” thành “ Đại hội đại biểu ” trong nội dung: “ <i>Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/TU của Tỉnh ủy... ..lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025</i> ” để đảm bảo nội dung căn cứ được chính xác, đầy đủ.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung trong Dự thảo lần 3.
3	Khoản 1 Điều 1	Cần phải bổ sung vào phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết nội dung “chỉ dẫn địa lý” để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến những chỉ dẫn địa lý xuất phát từ các địa phương trực thuộc tỉnh (hạt điều Bình Phước, hồ tiêu Bình Phước...)	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. Lý do: Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đã quy định “chỉ dẫn địa

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
			lý” là một trong những đối tượng của sở hữu công nghiệp và đã được coi là tài sản trí tuệ. Vì vậy, trong phạm vi điều chỉnh đã nêu đến cụm từ “tài sản trí tuệ” để đảm bảo tính bao quát hết các đối tượng, trong đó có chỉ dẫn địa lý.
4	Khoản 2 Điều 1	Bổ sung đối tượng là “các cơ quan hữu quan có chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý về SHTT”	Tiếp thu và đã bổ sung vào điểm b khoản 2 Điều 1 như sau: “b) Cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.
5	Điểm a khoản 2 Điều 1	Bổ sung đối tượng áp dụng là liên hiệp hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân.	Đồng ý bổ sung đối tượng là liên hiệp hợp tác xã. Riêng đối tượng “Quỹ tín dụng nhân dân” không được quy định tại điểm c, mục 1, Điều 6, Luật Hợp tác xã năm 2012 nên Sở KH-CN đề nghị không đưa vào cụ thể trong Nghị quyết này. Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân có các hoạt động sở hữu trí tuệ liên quan cần hỗ trợ thì sẽ căn cứ vào các đối tượng được nêu chung là “Tổ chức”, “Chủ đầu tư” liệt kê tại điểm a khoản 2 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết để xem xét hỗ trợ.
6	Điểm a, khoản 2, Điều 1	Ở Tiết 2 đề nghị bổ sung cụm từ “ sáng tạo kỹ thuật ” sau cụm từ “... nghiên cứu khoa học ” vì các tác giả có sáng tạo kỹ thuật được các cấp thẩm quyền trao giải hoặc nghiệm thu cũng là đối tượng cần hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu và được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Đối tượng cuối cùng nêu tại điểm a, khoản 2, Điều 1 đã quy định đối tượng là “Tác giả của các sản phẩm, giải pháp đoạt giải tại các cuộc thi từ cấp tỉnh trở lên” mang tính bao quát, trong đó có các cuộc thi, hội thi về sáng tạo kỹ thuật. Theo quy định của Luật Sở hữu trí
7		Ở Tiết 8 đề nghị bổ sung cụm từ “ Hội thi về sáng tạo kỹ thuật và khoa học công nghệ ” vào sau cụm từ “ cuộc thi ”, để bao quát mọi	

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
		lĩnh vực sáng tạo.	tuệ, không chỉ những sản phẩm kỹ thuật mới được hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà còn có các tác phẩm văn học, báo chí, âm nhạc, phần mềm máy tính, giống cây trồng... thông qua rất nhiều cuộc thi khác, không chỉ có “Hội thi về sáng tạo kỹ thuật và khoa học công nghệ”
8	Khoản 2 Điều 2	- Ý kiến thứ nhất: Đề nghị nên sửa lại như sau “chỉ được hỗ trợ một lần đối với mỗi đối tượng sản phẩm sở hữu trí tuệ”. - Ý kiến thứ hai: Đề nghị điều chỉnh lại cho rõ hơn, dễ hiểu hơn, cụ thể: “Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung đề hỗ trợ, mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần”.	Sở KH-CN tiếp thu theo ý kiến thứ hai và chỉnh sửa lại như sau: “Mỗi tổ chức, cá nhân được chọn nhiều nội dung đề nghị hỗ trợ và mỗi nội dung chỉ được hỗ trợ một lần”.
9	Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3	Việc dùng cụm từ “tối đa không quá” để định mức hỗ trợ như thế sẽ gây khó khăn, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết; đề nghị cần cân nhắc quy định mức hỗ trợ cụ thể và dứt khoát hơn.	Tiếp thu một phần, đồng ý bỏ cụm từ “không quá”, đề nghị giữ nguyên cụm từ “tối đa”. Lý do: Thực tế, mỗi sản phẩm, đối tượng khi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có mức chi phí khác nhau, không thể áp dụng một mức. Ví dụ khi đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chi phí phụ thuộc vào nhóm sản phẩm, nếu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm sản phẩm thì chi phí đăng ký cao hơn doanh nghiệp có ít hơn hoặc chỉ có 1 sản phẩm. Vì vậy, thực tế sẽ có nhiều trường hợp hồ sơ đăng ký có chi phí thấp hoặc cao hơn nhiều so với mức Dự thảo Nghị quyết đã quy định. Việc quy định mức “tối đa” để đảm bảo tính tiết kiệm, khả thi và khả năng cân đối ngân sách Nhà nước khi hỗ trợ.

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
			Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2564/STC-HCSN ngày 07/9/2021, để đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất giảm định mức còn 80% so với định mức quy định trong Dự thảo Nghị quyết đã gửi phản biện.
10	Khoản 2 Điều 3	Chưa thấy nêu ra sự hỗ trợ đối với “Thiết kế bố trí mạch bán dẫn, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bí mật kinh doanh”	- Về đối tượng “Thiết kế bố trí mạch bán dẫn”, thực tế từ khai tái lập tỉnh đến nay, chưa có hồ sơ đăng ký bảo hộ nào, tuy nhiên để đảm bảo trong tương lai có phát sinh, Sở KH-CN tiếp thu, đồng ý bổ sung đối tượng này vào chung mức hỗ trợ với nhãn hiệu là: 10 triệu đồng/đơn. - Về đối tượng là “tên thương mại” và “bí mật kinh doanh”: Theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 6 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, hai đối tượng này được bảo hộ trên cơ sở sử dụng hợp pháp mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ. Vì vậy Dự thảo Nghị quyết không quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho những đối tượng này, - Về “chỉ dẫn địa lý”: Đã được quy định hỗ trợ theo Khoản 1 Điều 3, Điều 4 thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể quy định mức cụ thể mà căn cứ vào dự toán được lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, cơ quan có

Stt	Điều/Khoản	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
			thẩm quyền sẽ thẩm định theo quy định.
11	Điều 7	Nội dung thủ tục hỗ trợ tại Điều 7, Dự thảo Nghị quyết cần được bổ sung chi tiết về quy trình hỗ trợ như thế nào, thời gian tiếp nhận và giải quyết cho các cá nhân/tổ chức nhận nguồn hỗ trợ tối đa là bao lâu kể từ thời điểm nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký nhận hỗ trợ thì các cá nhân/tổ chức đó được nhận giải ngân và nếu không đầy đủ hồ sơ thì trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc nhắc nhở bổ sung hồ sơ cho các cá nhân/tổ chức đó như thế nào chúng ta cần phải thật chi tiết để tránh việc có quy định nhưng khó thực hiện khiến Nghị quyết không thể bám sát và đi sâu vào thực tiễn.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì việc quy định cụ thể thủ tục hành chính (trong đó có yếu tố cấu thành là hồ sơ, thời gian xử lý) là hành vi bị nghiêm cấp theo quy định tại Điều 14 của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, tại khoản 8 Điều 7 đã giao cho Sở KH-CN Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tiếp nhận và xem xét giải quyết nhu cầu của các tổ chức, cá nhân có liên quan và có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết các thành phần hồ sơ và thủ tục hỗ trợ theo quy định.
12	Điểm d, khoản 2, Điều 7 và điểm d, khoản 6, Điều 7	Đề nghị bổ sung cụm từ “không làm ảnh hưởng đến quốc phòng - an ninh” cho đầy đủ các điều kiện cần thiết, nhất là trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.	Tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng “không có những tác động tiêu cực đến quốc phòng - an ninh” để quy định được cụ thể hơn.

4. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Theo Báo cáo số 1518/BC-SKHCN ngày 09/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ (gửi kèm).

5. Tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 09/9/2021

Stt	Tên thành viên góp ý	Tóm tắt nội dung góp ý	Giải trình, tiếp thu
1	Trần Tuyết Minh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Đề nghị rà soát chỉnh sửa thể thức văn bản trong các thành phần hồ sơ, đảm bảo nội dung ngắn gọn, đúng quy định.	Tiếp thu và đã chỉnh sửa theo góp ý, trong đó: - Đối với Dự thảo Nghị quyết: + Đã chỉnh sửa các lỗi chính tả và thể thức đảm bảo đúng quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.. + Tại Điều 7, Khoản 6 đã được tích hợp vào Khoản 2 để ngắn gọn, tránh trùng lặp như ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. - Đối với Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh: Đã chỉnh sửa lại đảm bảo ngắn gọn, đủ nội dung theo đúng quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. - Đối với Dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh về đánh giá tác động chính sách: Đã hiệu chỉnh nội dung cho ngắn gọn, đảm bảo đúng quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.